UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /2014/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 15 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 78/BC-STP ngày 20/8/2014; Sở Công Thương tại Tờ trình số 33/TTr-SCT ngày 25/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương".

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 03/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc sở: Công Thương, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Thái Bình;
- Lưu: VT, CTXDGT, TH.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích sử dụng kinh phí khuyến thương.

1. Hỗ trợ xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án xúc tiến thương mại: Thu thập, xử lý thông tin, quảng bá giới thiệu sản phẩm, xây dựng thương hiệu hàng hóa, nghiên cứu, khảo sát, mở rộng thị trường trong và ngoài nước; ứng dụng, phát triển thương mại điện tử tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của địa phương.

2. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách, chiến lược, chương trình và dự án phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án triển khai các hoạt động phát triển thị trường nhằm thúc đẩy hoạt động tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản thực phẩm, thủy hải sản và các sản phẩm, hàng hóa khác của tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương, hỗ trợ phát triển thương mại dịch vụ của tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng.

a. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

b. Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

c. Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

d. Các cơ quan quản lý, tổ chức chính trị xã hội; tổ chức xã hội nghề nghiệp; Trung tâm xúc tiến thương mại; các đơn vị sự nghiệp, các Trung tâm xúc tiến, tư vấn phát triển và đào tạo nghiệp vụ thương mại, dịch vụ, các Ban quản lý phát triển thương mại do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương.

1. Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến thương đúng mục đích, đúng chế độ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí khuyến thương chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguồn kinh phí khuyến thương.

Kinh phí khuyến thương của tỉnh được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp hàng năm.

2. Tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung sử dụng kinh phí khuyến thương.

1. Nghiên cứu xây dựng đề án, chiến lược phát triển thương mại, xuất nhập khẩu; nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; thu thập, xử lý, cung cấp thông tin; dự báo về giá cả hàng hóa, dịch vụ; dự báo cung, cầu vật tư nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước.

2. Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, ngành hàng, chỉ dẫn địa lý hàng hóa qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình, báo điện tử, ấn phẩm và các hình thức thông tin khác; phòng trưng bày sản phẩm hàng hóa; các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Hoạt động bán hàng thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phục vụ tiêu dùng và sản xuất của nhân dân.

4. Hỗ trợ kinh phí gian hàng và các chi phí khác phù hợp với quy định của các Bộ, ngành và theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm thương mại trong và ngoài nước.

5. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa và dịch vụ địa phương gắn liền với việc đăng ký bản quyền cấp quốc gia và quốc tế.

6. Tổ chức cho cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, Trung tâm xúc tiến thương mại, các hiệp hội, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân và các doanh nghiệp đi nghiên cứu tìm hiểu, học tập, hợp tác phát triển thị trường thương mại trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy tiêu thụ nông sản thực phẩm, thủy sản, sản phẩm nghề và làng nghề.

7. Tổ chức triển lãm thành tựu phát triển, xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

8. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại và dịch vụ.

9. Hỗ trợ hoạt động phát triển công nghệ thông tin, thương mại điện tử.

10. Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo chuyên đề về: An toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, hàng hóa kinh doanh có điều kiện; nâng cao nghiệp vụ kinh doanh, nghiệp vụ xúc tiến thương mại; tuyên truyền phổ biến chính sách về thương mại của nhà nước, của tỉnh, hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương mà Việt Nam tham gia.

11. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác xúc tiến thương mại.

12. Kinh phí cho các Ban chỉ đạo của tỉnh tổ chức các hoạt động nhằm phát triển thương mại; kinh phí cho công tác quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương.

13. Hỗ trợ hoạt động khuyến thương khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến thương.

1. Mức chi hỗ trợ 100%, áp dụng cho các nội dung sau:

a. Chi hỗ trợ cho các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 7, 8, 10, 11, Điều 5 Quy định này.

b. Chi hỗ trợ chi phí tổ chức cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài, gồm: Vận chuyển, bốc xếp và thuê khoán vật tư, vật liệu, hàng hóa, chi phí tuyên truyền, quảng bá; chi phí gian hàng, trang trí thiết kế tổng thể khu vực gian hàng của tỉnh; chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, thuê hội trường, thiết bị.

c. Chi hỗ trợ chi phí đi lại, ăn nghỉ, lưu trú cho cán bộ được cử đi tham gia quản lý, thuyết minh, giới thiệu quảng bá doanh nghiệp, hàng hóa tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Số người được hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 01 người cho đoàn dưới 8 doanh nghiệp, hỗ trợ 2 người cho đoàn có từ 8 đến 15 doanh nghiệp và hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ trên 16 doanh nghiệp.

d. Chi hỗ trợ chi phí tuyên truyền, quảng bá; vé máy bay khứ hồi; tổ chức hội thảo, gặp gỡ giao dịch đầu tư, thương mại; thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu; công tác phí cho công chức, viên chức nhà nước được cử đi nghiên cứu, học tập, hợp tác phát triển thị trường trong và ngoài nước.

đ. Chi hỗ trợ chi phí thuê và dàn dựng gian hàng; chi phí tổ chức chung, gồm: Điện, nước, vệ sinh, bảo vệ... cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động bán hàng thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn trong trường hợp không được hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

e. Chi hỗ trợ chi phí tổ chức cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của tỉnh tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản thực phẩm, thủy hải sản vào các tỉnh, thành phố trong nước, gồm: Chi phí thuê bốc xếp, vận chuyển hàng hóa, chi phí đi lại, lưu trú, sinh hoạt phí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hội, hiệp hội ngành hàng; mỗi đơn vị 01 người và cán bộ, công chức nhà nước tham gia tổ chức thực hiện liên kết tối đa không quá 05 người.

g. Chi hỗ trợ chi phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thương mại điện tử; tổ chức tập huấn nâng cao trình độ và nghiệp vụ phát triển thương mại điện tử tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

2. Mức hỗ trợ 50%, áp dụng cho các nội dung sau:

a. Chi hỗ trợ chi phí thuê gian hàng cho các doanh nghiệp của tỉnh tham gia hội chợ triển lãm ngoài nước; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ từ 01 đến 02 gian hàng tiêu chuẩn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/doanh nghiệp/lần tham gia hội chợ.

b. Chi hỗ trợ chi phí thuê gian hàng cho các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia hội chợ triển lãm trong tỉnh, trong nước; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ từ 01 đến 03 gian hàng tiêu chuẩn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15.000.000 đồng/doanh nghiệp/lần tham gia hội chợ.

c. Chi hỗ trợ chi phí doanh nghiệp trong tỉnh xây dựng trang Website để ứng dụng và phát triển thương điện tử. Mức chi không quá 5 triệu đồng/website/doanh nghiệp.

3. Mức hỗ trợ 30% áp dụng cho chi phí thuê và dàn dựng gian hàng; chi phí tổ chức chung, gồm: Điện, nước, vệ sinh, bảo vệ... cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động bán hàng thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, trong trường hợp đã được hỗ trợ 70% kinh phí từ nguồn kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

4. Những chi phí không được quy định cụ thể trong quy định này do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; định mức chi thực hiện theo văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Điều 7. Trình tự thực hiện hỗ trợ kinh phí khuyến thương.

1. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 hàng năm, các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đề án có nhu cầu được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến thương cho năm sau, đăng ký hồ sơ đề nghị gửi Sở Công Thương.

2. Sở Công thương chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định các đề án khuyến thương, lập biên bản thẩm định, tổng hợp hồ sơ, lập dự toán kinh phí khuyến thương, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Sở Công Thương giao kinh phí thực hiện đề án đến đơn vị được thụ hưởng kinh phí khuyến thương để tổ chức thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện các thủ tục cấp phát kinh phí cho các đề án sử dụng kinh phí khuyến thương.

6. Các đơn vị thực hiện đề án sử dụng kinh phí khuyến thương quyết toán kinh phí khuyến thương được sử dụng với Sở Công Thương theo quy định.

5. Sở Công Thương thực hiện kiểm tra, nghiệm thu và quyết toán sử dụng kinh phí khuyến thương với Sở Tài chính.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí và nội dung đề án khuyến thương.

1. Hồ sơ đề nghị (4 bộ), gồm:

a. Văn bản của đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đề án.

b. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c. Đề án khuyến thương.

2. Nội dung đề án khuyến thương:

a. Giới thiệu đề án: Tên đề án, đơn vị thực hiện đề án, địa chỉ; điện thoại; fax; số tài khoản; địa điểm và thời gian thực hiện đề án.

b. Mục đích yêu cầu đề án.

c. Nội dung chính đề án.

d. Dự toán kinh phí khuyến thương được hỗ trợ: Nêu chi tiết từng hạng mục chi (số lượng, định mức chi phù hợp với các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh).

đ. Đánh giá hiệu quả của đề án.

Điều 9. Thẩm định và nội dung thẩm định đề án khuyến thương.

1. Thẩm định:

Sở Công Thương quyết định thành lập tổ thẩm định các đề án khuyến thương; thành phần tổ thẩm định do Giám đốc Sở Công thương lựa chọn và quyết định.

2. Nội dung thẩm định:

a. Mục đích, yêu cầu đề án.

b. Nội dung chính đề án.

c. Dự toán kinh phí thực hiện đề án.

Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án khuyến thương.

1. Trường hợp có điều chỉnh, bổ sung nội dung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến thương, đơn vị thực hiện đề án phải có văn bản báo cáo Sở Công Thương nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung nội dung hoặc ngừng thực hiện đề án.

2. Trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị về điều chỉnh, bổ sung nội dung hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án, Sở Công Thương đề xuất phương án xử lý từng trường hợp cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý kinh phí khuyến thương.

1. Sở Công thương:

a. Xây dựng chương trình kế hoạch khuyến thương từng giai đoạn và hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b. Hướng dẫn các đơn vị xây dựng triển khai thực hiện đề án sử dụng kinh phí khuyến thương.

c. Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án khuyến thương.

d. Tổng hợp đánh giá kết quả sử dụng kinh phí khuyến thương hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình kết quả thực hiện đề án.

2. Sở Tài chính:

a. Tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến thương do Sở Công Thương lập, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b. Chủ trì thẩm định quyết toán kinh phí khuyến thương hàng năm của Sở Công Thương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và chính sách chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương trong triển khai thực hiện đề án khuyến thương.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án sử dụng kinh phí khuyến thương.

1. Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng quy định.

2. Báo cáo kết quả thực hiện đề án và quyết toán kinh phí khuyến thương đã sử dụng với Sở Công Thương quy định của Nhà nước.

3. Có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi trong việc đánh giá, kiểm tra việc thực hiện đề án của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về nội dung kết quả thực hiện đề án theo qui định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành.

1. Sở Công Thương, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các sở, ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến thương theo quy định của Nhà nước. Trường hợp sử dụng sai mục đích hoặc làm thất thoát, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
16/09/2014 08:19:22